

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PĂH
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 08/6/2021

“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Thái Trọng Bình;
2. Ông Trịnh Văn Nguyên.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Diệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn M, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Làng B, xã H, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Trần Thị Phụng N, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Làng B, xã H, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện nộp ngày 20/10/2020, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh với chị Trần Thị Phụng N tự nguyện tìm hiểu và đi đến kết hôn ngày 15/3/2017, tại Ủy ban nhân dân phường Y, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N thường xuyên đi chơi với bạn bè, không lo cho gia đình và con cái, mặc dù gia đình hai bên có khuyên giải, nhưng chị N vẫn không sửa đổi. Ngoài ra, vợ chồng anh còn mâu thuẫn về tiền bạc và trong cách dạy con cái, anh đi làm về đưa tiền cho chị N, nhưng chị N tiêu xài hoang phí, không biết vun vén cho gia đình và con cái. Nên từ tháng 02/2020, vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay, thỉnh thoảng chị có N về thăm con, nhưng sau đó lại đi, vợ chồng không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh

xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 01 con chung là Trần Thảo M, sinh ngày 03/01/2018. Ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Anh không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh M không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là chị Trần Thị Phụng N: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về việc nêu ý kiến đối với phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Trần Thị Phụng N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Trần Thị Phụng N tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 38 do Ủy ban nhân dân phường Y, Tp. Pleiku, tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/3/2017. Nên hôn nhân giữa anh M và chị N là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng.

Anh Trần Văn M khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị Trần Thị Phụng N, vì anh cho rằng từ năm 2019, vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N thường xuyên đi chơi với bạn bè, không

lo cho gia đình và con cái, mặc dù gia đình hai bên có khuyên giải, nhưng chị N vẫn không sửa đổi. Ngoài ra, vợ chồng anh còn mâu thuẫn về tiền bạc và trong cách dạy con cái, anh đi làm về đưa tiền cho chị N, nhưng chị N tiêu xài hoang phí, không biết vun vén cho gia đình và con cái. Nên từ tháng 02/2020 vợ chồng anh sống ly thân cho đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng chị N không lên Tòa án làm việc và không có ý kiến gửi cho Tòa án cho thấy chị N đã từ bỏ quyền lợi của mình, không muốn hàn gắn tình cảm với anh M. Từ những cơ sở đó, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa anh M và chị N đã thật sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh M là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh.

Về con chung: Anh M và chị N có 01 con chung là Trần Thảo M, sinh ngày 03/01/2018. Ly hôn anh M có nguyện vọng được nuôi trực tiếp con chung.

Xét nguyện vọng của anh M thì thấy rằng: Từ khi vợ chồng anh sống ly thân đến nay, anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, hiện con chung đang có cuộc sống ổn định với bố. Do đó, để đảm bảo về sự phát triển mọi mặt của con chung Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng tiền nuôi con, nên không xem xét.

Về tài sản chung và các nghĩa vụ chung khác: Anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì anh Trần Văn M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; 57; 81; 82; 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Trần Thị Phụng N.

Về con chung: Giao cháu Trần Thảo M, sinh ngày 03/01/2018 cho anh M trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên có khả năng lao động hoặc đã thành niên nhưng không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không

trực tiếp nuôi con làm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Anh Trần Văn M phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) anh M đã nộp tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số: 0010231 ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai. Anh Trần Văn M đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- UBND Phường Y;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa